TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 714/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 02 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 483/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1983. Địa chỉ thường trú: B T, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Số B đường số F, khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Thanh D, sinh năm 1973. Địa chỉ thường trú: 129F/123/9/2 bis đường B, Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Số B đường số F, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2023;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1983 và ông Trần Thanh D, sinh năm 1973.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Trần Thanh D thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 1/2004 do Ủy ban nhân dân Phường H1, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/01/2004)

- Về con chung: Bà N và ông D có 03 con chung là Trần Thanh Q, sinh ngày 10/11/1999 (đã trưởng thành); Trần Thanh V, sinh ngày 28/11/2003 (đã trưởng thành) và Trần Thanh T, sinh ngày 28/02/2008. Sau khi ly hôn, giao trẻ T cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông D không cấp dưỡng nuôi con.

Ông D có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

3. Về án phí sơ thẩm: Án phí sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng bà N tự nguyện chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0037206 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. H lại cho bà N số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diễm P